ĐÁP ÁN VẬT LÝ 10:

Câu	Nội dung	Thang điểm
Câu 1 (1,5đ)	- Định nghĩa: Momen lực đối với một trục quay là đại lượng đặc trưng cho tác dụng làm quay của lực và được đo bằng tích của lực với cánh tay đòn của nó. - Biểu thức: **M = F.d** - Đơn vị : Niutơn mét (N.m)	0,5 + 0,5 0,25 + 0,25
Câu 2 (1,5đ)	Gia tốc của một vật cùng hướng với lực tác dụng lên vật. Độ lớn gia tốc tỉ lệ thuận với độ lớn của lực và tỉ lệ nghịch với khối lượng của vật. $\vec{a} = \frac{\vec{F}}{m}$ hay $\vec{F} = m\vec{a}$	0,5+ 0,5 0,5
Câu 3 (1đ)	Mặt vải đã là (ủi) thường nhẵn, ma sát giảm, bụi khó bám.	0,25+0,5+ 0,25
Câu 4 (1đ)	Ở VTCB: $F_{dh} = P \Leftrightarrow k.\Delta l = m.g$ $\Leftrightarrow k.(0,25-0,2) = 0,1.10 \Rightarrow k = 20N/m$	0,5 0,25+ 0,25
Câu 5 (1đ)	$F_{ht} = m\frac{v^2}{r}$ Thay số Kết quả: F_{ht}=20000N	0,25 0,5 0,25
Câu 6 (1đ)	$t = \sqrt{\frac{2h}{g}} = \sqrt{\frac{2.490}{9,8}} = 10(s)$ L = v_0t = 150.10 = 1500 (m)	0,5 0,5
Câu 7 (1đ)	- $F_{hd} = \frac{Gm^2}{r^2} \Rightarrow m = \sqrt{\frac{F_{hd}r^2}{G}} = \sqrt{\frac{1,67.10^{-9}.0,4^2}{1,67.10^{-11}}} = 4(kg)$	0,25+0,5+ 0,25
Câu 8 (2đ)	Gia tốc : $a = \frac{v^2 - v_0^2}{2s} = -1,2m/s^2$ - Vẽ hình: ($\vec{N}, \vec{P}, \vec{F}_{ms}$), hệ tọa độ Oxy	0,5 0,25
	Định luật II Newton : $\vec{N} + \vec{P} + \vec{F}_{ms} = m\vec{a}$ Trên phương Ox: - F_{ms} = m.a ➔ F_{ms} = - m.a	0,25

	Trên phương Oy: N – P = 0 ➔ N = P = m.g	0,25
	Hệ số ma sát: $\mu = \frac{F_{ms}}{N} = \frac{-m.a}{m.g} = \frac{-m.a}{m.g} = \frac{-a}{g} = 0,12$	0,25 0,5

Nếu thí sinh làm theo cách khác đúng thì vẫn được số điểm tương ứng.

hoc360.net